

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 15 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Bà Lương Thị Mai Dung- Giáo viên trường tiểu học Kiên Bái

- T ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy, T ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - phố Hải P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 1 - Hải P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải P, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 03 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Mạc Tuấn C, sinh ngày 15-7-2006, tại Hải P; nơi cư trú: Thôn 5, xã Việt Khê, thành phố Hải P; nghề N: Lao động tự do, trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Văn T và bà Phạm Thị X, tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 115/2024/HS-ST ngày 12-06-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hải P xử phạt 18 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25-11-2024; có mặt.

2. Nguyễn Đăng T, sinh ngày 02-6-2006, tại Hải P; Nơi cư trú: Thôn 6, xã Việt Khê, thành phố Hải P; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ti, và bà Trần Thị Đg; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 14-11-2024; có mặt.

3. Vũ Văn N, sinh ngày 02-6-2007 (đến ngày phạm tội 17 tuổi 02 tháng 26 ngày) tại Hải P; Nơi cư trú: Thôn 6, xã Việt Khê, thành phố Hải P; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn A và bà Moong Thị Đp, tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 14-11-2024; có mặt.

4. Đỗ Quốc P, sinh ngày 28 -12-2004; tại Hải P; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3,

Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; nghề N: Lao động tự do, trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân N và bà Phạm Thị T, tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị tạm giam từ ngày 24-01-2025, có mặt.

5. Nguyễn D B, sinh ngày 29-11-2006 (đến ngày phạm tội 17 tuổi 9 tháng), tại Hải P; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; nghề N: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 24-01-2025, có mặt.

6. Đặng Văn Đ, sinh ngày 09-10-2006 (đến ngày phạm tội 17 tuổi 10 tháng 19 ngày), tại Hải P, nơi cư trú: Tổ dân phố 3, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P, nghề N: Học sinh, trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H và bà Phạm Thị G; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam kể từ ngày 24-01-2025, có mặt.

7. Trần Văn T, sinh ngày 16-01-2008 (đến ngày phạm tội 16 tuổi 07 tháng 12 ngày), tại Hải P, nơi cư trú: Tổ dân phố 3, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; nghề N: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25-01-2025, có mặt.

8. Đặng Phan Khương D, sinh ngày 24-12-2008, tại Hải P, nơi cư trú: Tổ dân phố 3, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; nghề N: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Phan Thị Bích Đ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25-01-2025; có mặt.

9. Đặng Văn K, sinh ngày 09-02-2008, tại Hải P (đến ngày phạm tội 16 tuổi, 06 tháng 19 ngày), Tổ dân phố 3, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; nghề N: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Đỗ Thị Ng, tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25-01-2025. có mặt.

10. Đỗ Trung H, sinh ngày 19-11-2008, tại Hải P (đến ngày phạm tội 15 tuổi 9 tháng 09 ngày); nơi cư trú: Tổ dân phố 4, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; nghề N: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị B, tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25-01-2025; có mặt.

11. Mạc Đức H, sinh ngày 13-01-2008 (đến ngày phạm tội 16 tuổi 7 tháng 15 ngày), tại Hải P; Nơi cư trú: Thôn 7, Hợp Thành, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; nghề N: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Văn H và Hoàng Thị O, tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 271/2024/HSST ngày 23-9-2024, Tòa án nhân dân

quận Nam Từ Liêm nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội xử phạt Mạc Đức H 06 tháng tù nhưng cho H án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt T sản. Bị cáo bị tạm giam từ 24-01-2025; có mặt.

12. Nguyễn Thế T, sinh ngày 02-01-2008 (thời điểm phạm tội 16 tháng 7 tuổi 26 ngày) tại Hải P; Nơi cư trú: Thôn 1, Hợp Thành, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; nghề N: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thuý H, tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Bản án số 271/2024/HSST ngày 23-9-2024, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội xử phạt Nguyễn Thế T 09 tháng tù nhưng cho H án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt T sản. Bị cáo bị tạm giam từ 24-01-2025; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Mạc Đức H, sinh ngày 13-01-2008, nơi cư trú: Thôn 7, Hợp Thành, Phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; có mặt.

2. Doãn Văn T2, sinh 29-8-2008; nơi sinh: nơi cư trú: Thôn 7, Hợp Thành, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; vắng mặt.

3. Đinh Văn Hải, sinh ngày 29-11-2008 nơi cư trú: Thôn 7, Hợp Thành, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P, thành phố Hải P; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Văn N: Ông Vũ Văn Anh, bà Moong Thị Diệp, cùng nơi cư trú: Thôn 6, xã Việt Khê, thành phố Hải P; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn T: Ông Trần Văn Tùng, bà Nguyễn Thị Lan, cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 3, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Phan Khương D: Ông Đặng Văn Dũng, bà Phan Thị Bích Đào, cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 3, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Văn K: Ông Đặng Văn Tuấn, bà Đỗ Thị Nguyên, cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 3, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Trung H: Ông Đỗ Văn Tới, bà Đỗ Thị Bầy; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 4, Quảng Thanh, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; ông Tới có mặt, bà Bầy vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại Mạc Đức H: Ông Mạc Văn Hoan, bà Hoàng Thị Oanh; cùng nơi cư trú: Thôn 7, Hợp Thành, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thế T: Ông Nguyễn Văn Anh, bà Bùi Thuý Hà, cùng nơi cư trú: Thôn 1, Hợp Thành, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của Doãn Văn T2: Ông Doãn Văn An, bà Hoàng Thị Dung; cùng nơi cư trú: Phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Đinh Văn Hải: Ông Đinh Văn Vững, bà Bùi Thị Khương; cùng nơi cư trú: Phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P; ông Vững có mặt,

bà Khương vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn N, Đặng Phan Khương D, Đặng Văn K: Bà Lương Thị Thủy, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải P; có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Trung H: Bà Nguyễn Thị Hồng T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải P. Ông Trần Ngọc Quang - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV An Trần Gia; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Mạc Đức H, Nguyễn Thế T: Bà Cù Thuý Minh, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải P; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn D B: Ông Nguyễn Văn Dự, ông Trần Ngọc Quang - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV An Trần Gia. Ông Quang có mặt, ông Dự vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn K: Ông Vũ Đình Tình- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV An Trần Gia. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 28-08-2024, Đặng Văn Đ điều khiển xe máy điện màu xanh mang BKS 15M2-14268 chở Trần Văn T; Nguyễn D B điều khiển xe máy điện nhãn hiệu DK Bike GoGo màu xanh mang BKS MĐ-14222 chở Đỗ Trung H; Đặng Phan Khương D điều khiển xe máy điện nhãn hiệu G20 màu xanh không mang BKS chở Đỗ Quốc P; Mạc Tuấn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen mang BKS 15G1-96775 chở Đặng Văn K; Vũ Văn N điều khiển xe máy điện nhãn hiệu Dibao màu trắng mang BKS DD-18639 chở Nguyễn Đăng T di chuyển dọc theo tuyến đường tỉnh lộ 352 từ xã Quảng Thanh đi về hướng xã Kỳ Sơn trên đường đi thì T và N rẽ vào quán nước ven đường gần UBND xã Quảng Thanh để uống nước, những người còn lại vẫn tiếp tục di chuyển, khi đến khu vực đền Trạng Lê Ích Mộc thì gặp nhóm đối tượng điều khiển xe mô tô đi ngược chiều gồm Nguyễn Đức Thắng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HondaWave màu đỏ không đeo BKS chở Nguyễn Thế T, Bùi Minh Hòa; Mạc Đức H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu xanh mang BKS 15D1-38928 chở Đình Văn Hải, Doãn Văn T2.

Khi hai nhóm đi ngang qua nhau thấy nhóm của C đi nhiều xe máy điện nên nhóm của H nảy sinh ý định trêu, khiêu khích để nhóm C đuổi theo nhóm mình. Lúc này T2, H, Hải chửi “Đ. mẹ chúng mày tắt đèn đi”, Thắng hô “Ê, Ê, Ê” về phía nhóm của C rồi tăng ga bỏ chạy. Xe của H chạy phía trước còn xe của Thắng chạy phía sau. Đi được khoảng 100 mét, Thắng đỗ xe lại nhặt 01 viên đá kích Tớc khoảng (15x15)cm và bảo Hòa điều khiển xe chở Thắng, T quay lại đuổi theo nhóm của C mục đích để ném đá nhóm C, đồng thời Thắng gọi xe H quay lại cùng đuổi theo nhóm C. Khi đuổi đến gần nhóm C cách khoảng từ 03-05m thì Thắng cầm viên đá ném về phía xe của B, H nhưng không trúng ai. K chửi nhóm của Thắng “Đ. mẹ

chúng mày, quay lại đây”. Nhóm của Thắng, H đi vượt qua rồi tiếp tục vòng lại để trêu và thách thức nhóm của C. Sau đó cả nhóm bỏ chạy về hướng đền trạng trình Lê Ích Mộc đi UBND xã Quảng Thanh.

Bực tức vì bị nhóm của Thắng, H trêu và thách thức nên B, K, C và một số người hô “đuổi theo”, cả nhóm gồm C chở K, D chở P, B chở H, Đ chở T quay đầu xe lại đuổi theo nhóm của Thắng, H để đánh. Đuổi theo một đoạn khoảng 200m thì gặp N điều khiển xe chở T đi ngược chiều, C điều khiển xe lại gần xe của N, T và nói “*vừa bị bọn kia ném đá, mở cốp lấy dao*”, N mở cốp xe máy điện bên trong có 01 con dao dài khoảng 35-40cm, bản rộng khoảng 05cm, lưỡi dao bằng kim loại, một lưỡi sắc, đầu mũi dao nhọn, cán dao bằng gỗ. T cầm dao trên và lên xe do C điều khiển. C, B, K hô “đuổi theo” thì N chở K, B chở H, D chở P, Đ chở T cùng nhau đuổi theo phía sau xe của C để đuổi đánh nhóm Thắng, H. C điều khiển xe mô tô nên vọt lên trước, khi đuổi theo đến khu vực cây xăng Tân Thanh thì C điều khiển xe đuổi kịp, chạy song song, ép gần vào phía bên trái xe của H điều khiển, hai xe cách nhau khoảng 1m. Lúc này xe do Thắng điều khiển chạy vào phía trong cây xăng Tân Thanh. C chửi “*Đ. mẹ chúng mày thách thức ai đây*” còn T giơ dao lên trong tư thế định chém thì xe do H điều khiển mất lái đâm vào khu vực bồn hoa gần cây xăng Tân Thanh. Thấy H, T2, Hải ngã ra đường bất tỉnh thì C chở T điều khiển xe bỏ đi. Lúc này N chở K, B chở H, D chở P điều khiển xe đến vị trí tai nạn và nhìn thấy H, T2, Hải ngã ra đường bất tỉnh nên cũng điều khiển xe bỏ đi, Đ chở T điều khiển xe đi đến vị trí gần khu vực cây xăng Tân Thanh thì gặp B quay lại thông báo về việc nhóm của H bị tai nạn và bảo Đ, T đi về, Đ điều khiển xe chở T bỏ đi.

Hậu quả H bị tổn Thương cơ thể là 66 %, anh T2 bị tổn Thương cơ thể là 22%, Hải không bị tổn Thương cơ thể.

Tại Bản Kết luận giám định tổn Thương cơ thể trên người sống số 731/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 16-10-2024 của Trung tâm Pháp y Hải P đối với Mạc Đức H, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể là 66%, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn Thương vùng đuôi cung lông mày trái gây nên là 03%; mi dưới mắt trái gây nên là: 03%; niêm mạc môi dưới gây nên là: 03%; vùng cằm gây nên là: 03%; niêm mạc nách tiền đình hàm dưới gây nên là: 01%; gãy mất 03 răng cửa hàm trên số 11, 21, 22 và gãy mẻ răng số 23 gây nên là: 02%, 02%, 02%, 01%; tụ máu ngoài màng cứng gây nên là: 05%; vỡ xương trán gây nên là: 09%; gãy xương lá mía gây nên là: 08%; gãy cung tiếp xương gò má trái gây nên là: 09%; gãy thành ngoài hốc mắt trái gây nên là: 06%; gãy xương hàm dưới gây nên là: 10%; vỡ xương nền sọ gây nên là: 18%; gãy xương đòn trái gây nên là: 09%; tổn Thương màng phổi trái gây nên là: 04%; vết Thương cánh tay phải gây nên là: 03%; 02 vết Thương gối trái gây nên là: 02% và 01%. Riêng vỡ xương khâu cái và thành xoang sàng trái không có hướng dẫn tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể nên không có căn cứ đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể của tổn Thương này. Vết xây xước da vai trái và 02 vết xây xước da cẳng chân trái không được ghi nhận trong các hồ sơ T liệu nên không đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể. Khám chuyên khoa hô hấp chuyên gia kết luận: rối loạn thông khí mức độ nhẹ sau chấn Thương hàm mặt ngực tháng 09/2024, nhưng một phần do nạn nhân không ngậm chặt và kín ống do tai nạn vùng mặt nên không đủ căn cứ đánh giá

tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể. Các Thương tích trên có đặc điểm do vật tày, có thể có góc cạnh cứng tác động tương hỗ trực tiếp gây nên.

Tại Bản Kết luận giám định tổn Thương cơ thể trên người sống số 715/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 07-10-2024 của Trung tâm Pháp y Hải P đối với Doãn Văn T2, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể là 22%, trong đó: vết trầy xước da vùng gân giữa trán gây nên là: 03%; vết Thương bở cằm phải gây nên là: 03%; gãy hai xương cẳng tay phải gây nên là: 14%; 02 vết phẫu thuật cẳng tay phải gây nên là: 02% và 02%; Sưng nề phần mềm dưới da vùng trán không có tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể; Riêng vết sẹo nhỏ ở mặt sau dưới cẳng tay phải không được ghi nhận trong các hồ sơ T liệu nên không đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể. Các Thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày, có thể có góc cạnh cứng gây nên.

Tại Bản Kết luận giám định tổn Thương cơ thể trên người sống số 716/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 09-10-2024 của Trung tâm Pháp y Hải P đối với Đinh Văn Hải, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể là 00%, trong đó: Sưng đau phần mềm vùng mắt phải và xây xước da mi mắt phải không có tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể; Riêng tổn Thương sụp mi mắt phải sau chấn Thương, chuyên gia khám chuyên khoa mắt và thần kinh không xác định nguyên nhân sụp mi là do tổn Thương dây thần kinh số III thì không có hướng dẫn tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể, nên không có căn cứ đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn Thương cơ thể của tổn Thương này. Các Thương tích trên có đặc điểm do vật tày, có thể có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên.

Tại Bản Kết luận giám định số 3575/KL-KTHS ngày 28-11-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 vật dạng dao dài 41,7cm, cán bằng gỗ dài 12cm, đường kính: 3,4cm, hai đầu quán đai kim loại sáng màu, phần lưỡi dài 29,7cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, bản rộng nhất 05cm là dao, không thuộc vũ khí.

Bị hại Đinh Văn Hải, Doãn Văn T2 và đối tượng trong nhóm của H là Nguyễn Đức Thắng, Bùi Minh Hòa khai nhận như hành vi nêu trên.

Lời khai của các bị cáo Nguyễn Đăng T, Vũ Văn N, Mạc Tuấn C, Đỗ Quốc P, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Trần Văn T, Đặng Phan Khương D, Đặng Văn K, Đỗ Trung H, Mạc Đức H, Nguyễn Thế T phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người liên quan trong vụ án, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Chính quyền địa phương cung cấp: Việc hai nhóm đuổi đánh nhau trên tuyến đường tỉnh lộ 352 vào khoảng thời gian 22 giờ ngày 28-8-2024 đã gây mất an ninh trật tự, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân trên địa bàn và ảnh H xấu đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn, đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý nghiêm hành vi của các đối tượng.

Về vật chứng: 01 mảnh nhựa màu xanh hình dạng gấp khúc trên diện 62cm x 30cm dạng mảnh yếm xe máy; 01 con dao có chiều dài tổng thể 41,7cm, bản rộng nhất 05cm; lưỡi dao bằng kim loại tối màu dài 29,7cm, một lưỡi sắc, đầu mũi dao nhọn; chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn; 01 xe máy điện màu sơn xanh, mang BKS

15MĐ2 – 142.68; 01 xe máy điện nhãn hiệu G20 New màu sơn xanh không mang BKS; 01 xe máy điện nhãn hiệu Dk Bike GoGo màu sơn xanh mang BKS: 15MĐ2 – 142.22 chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải P quản lý.

Đối với 01 đĩa DVD chứa 01 tập tin video ghi lại diễn biến vụ việc và các đĩa hỏi cung ghi âm, ghi hình chuyên cùng hồ sơ vụ án.

Xe mô tô AirBlade, biển kiểm soát 15D1-389.28 do Mạc Đức H điều khiển là xe của chị Mạc Thị Hương (chị gái của H); xe mô tô Wave, biển kiểm soát 15G1-967.75 do Mạc Tuấn C điều khiển là của anh Mạc Văn Thắng (bố đẻ của C); xe mô tô Wave, biển kiểm soát 15B2-742.01 do Nguyễn Đức Thắng điều khiển là của chị Bùi Thị Thanh Mai (bác ruột của Thắng); xe máy điện nhãn hiệu Dibao, biển kiểm soát MĐ-186.39 do Vũ Văn N điều khiển là của chị Mong Thị Điệp (mẹ đẻ của N). Chị Hương, anh Thắng, chị Mai, chị Điệp không biết việc các đối tượng đã sử dụng xe mô tô, xe máy điện của mình để đi lượn đường, đánh nhau nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho các anh, chị trên.

Về trách nhiệm bồi Tòng dân sự: Trong quá trình điều tra các bị hại đã nhận đủ số tiền bồi Tòng và không có yêu cầu, đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T, N, C, P, B, Đ, T, D, K, H. Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của Mạc Đức H yêu cầu các bị cáo bồi Tòng thêm số tiền 80.000.000 đồng là khoản tiền dự kiến bị hại còn phải điều trị trong thời gian tới.

Tại Bản cáo trạng số 78/CT-VKSTN ngày 21 tháng 03 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải P đã truy tố: Mạc Tuấn C, Nguyễn Đăng T, Vũ văn N, Đỗ Quốc P, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Trần Văn T, Đặng Phan Khương D, Đặng Văn K, Đỗ Trung H về tội Cố ý gây Tơng tích, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Mạc Đức H, Nguyễn Thế T về tội Gây rối trật tự công cộng, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hải P tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 55,56, 58, 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Mạc Tuấn C** phạm tội “Cố ý gây Tơng tích”. Xử phạt bị cáo Mạc Tuấn C từ 05 năm 6 tháng đến 06 năm 6 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 115/2024/HS-ST ngày 12-06-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải P xử phạt 18 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam. Trừ cho bị cáo thời gian đã chấp hành án của Bản án số 115/2024/HS-ST ngày 12-06-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải P.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo

Nguyễn Đăng T phạm tội “Cố ý gây Thương tích”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T từ 05 năm 6 tháng đến 06 năm 6 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn N** phạm tội “Cố ý gây Thương tích”. Xử phạt bị cáo Vũ Văn N từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Đỗ Quốc P** phạm tội “Cố ý gây Thương tích”. Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc P từ 05 năm đến 06 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam.

5. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn D B** phạm tội “Cố ý gây Thương tích”. Xử phạt bị cáo Nguyễn D B từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam.

6. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn Đ** phạm tội “Cố ý gây Thương tích”. Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam.

7. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội “Cố ý gây Thương tích”. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt đi chấp hành án. Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

8. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn K** phạm tội “Cố ý gây Thương tích”. Xử phạt bị cáo Đặng Văn K từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt đi chấp hành án. Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

9. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Mạc Đức H** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Xử phạt bị cáo Mạc Đức H từ 15 đến 18 tháng tù giam. Thời hạn

chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 24 tháng 01 năm 2025. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án số 271/2024/HSST ngày 23-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội

10. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thế T** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T từ 15 đến 18 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 24 tháng 01 năm 2025. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án số 271/2024/HSST ngày 23-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội.

Áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc bị cáo Mạc Đức H và Nguyễn Thế T phải chấp hành hình phạt của 02 bản án.

11. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 65, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 119, 124 khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Đặng Phan Khương D** phạm tội “Cố ý gây tổn hại”. Xử phạt bị cáo Đặng Phan Khương D từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù nhưng cho H án treo, áp dụng thời gian thử thách là 3 năm.

12. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58, 65, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự. Điều 119, 124, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Đỗ Trung H** phạm tội “Cố ý gây tổn hại”. Xử phạt bị cáo Đỗ Trung H từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù nhưng cho H án treo, áp dụng thời gian thử thách là 03 năm.

Giao bị cáo **Đặng Phan Khương D và Đỗ Trung H** cho Ủy ban nhân dân phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Các bị cáo Đỗ Trung H, Đặng Phan Khương D, Vũ Văn N, Nguyễn Thế T được miễn án phí hình sự sơ thẩm, buộc bị cáo Mạc Tuấn C, Nguyễn Đăng T, Đỗ Quốc P, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Trần Văn T, Đặng Văn K, Mạc Đức H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh nhựa màu xanh hình dạng gấp khúc trên diện 62cm x 30cm dạng mảnh yếm xe máy; 01 con dao có chiều dài tổng thể 41,7cm, bản rộng nhất 05cm; lưỡi dao bằng kim loại tối màu dài 29,7cm, một lưỡi sắc, đầu mũi dao nhọn; chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe máy điện màu sơn xanh, mang BKS 15MĐ2 – 142.68; 01 xe máy điện nhãn hiệu G20 New màu sơn xanh không mang BKS; 01 xe máy điện nhãn hiệu Dk Bike GoGo màu sơn xanh mang BKS: 15MĐ2 – 142.22.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Mạc Đức H yêu cầu các bị cáo bồi Tòng thêm số tiền 80.000.000 đồng. Xét thấy trong quá trình điều tra Mạc Đức H và gia đình đã nhận số tiền bồi Tòng 140.000.000 đồng và không

yêu cầu bồi Tòng gì khác, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi Tòng thêm 80.000.000 đồng nhưng không cung cấp được các T liệu chứng cứ chứng minh. Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày do bị hại vẫn còn tiếp tục điều trị nên số tiền yêu cầu bồi Tòng thêm là số tiền dự kiến điều trị trong thời gian tiếp theo. Để đảm bảo quyền lợi cho bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy cần tách phần dân sự giải quyết bằng một vụ án dân sự khi bị hại có yêu cầu.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn N, Đặng Phan Khương D, Đặng Văn K, Trần Văn T, Đỗ Trung H đề nghị hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn C của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, do các bị cáo chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế, chưa nhận thức hết được hậu quả của hành vi phạm tội. Nguyên nhân phạm tội xuất phát từ lỗi của các bị hại. Các bị cáo đều là người chưa thành niên nên đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*”. Các bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án đồng phạm và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị áp nên đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho các bị cáo được H sự khoan hồng của pháp luật và áp dụng triệt để chính sách của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo được H án treo. Đề nghị miễn tiền án phí cho bị cáo N, D, H.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn D B: Nguyên nhân phạm tội xuất phát từ lỗi của các bị hại, bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án đồng phạm và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị áp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Mạc Đức H, Nguyễn Thế T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân và thời điểm phạm tội của các bị cáo, các bị cáo chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế, chưa nhận thức hết được hậu quả của hành vi phạm tội. Bị cáo T là người khuyết tật nặng, bản thân bị cáo Mạc Đức H cũng bị Tơng tích nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo đều đồng ý với ý kiến của người bào chữa, các bị cáo đều là học sinh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo tiếp tục được đi học.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt:

[2.1] Đối với tội cố ý gây Tạng tích: Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người làm chứng, T liệu khám nghiệm hiện trường cùng kết luận giám định và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 50 phút đến 22 giờ ngày 28/8/2024, do bị nhóm của Mạc Đức H điều khiển xe mô tô chở Đinh Văn Hải, Doãn Văn T2, Bùi Minh Hòa điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Thế T, Nguyễn Đức Thắng chửi bới, khiêu khích và dùng hung khí là đá ném về phía nhóm của C nên Mạc Tuấn C, Nguyễn Đăng T, Vũ Văn N, Đỗ Quốc P, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Trần Văn T, Đặng Phan Khương D, Đặng Văn K, Đỗ Trung H điều khiển xe máy điện, xe mô tô mang theo hung khí (dao) di chuyển trên tuyến đường tỉnh lộ 352 thuộc địa phận xã Quảng Thanh cũ với mục đích để đuổi đánh nhau với những người trong nhóm của H, Thắng. Khi đến khu vực cây xăng Tân Thanh thuộc địa phận xã Quảng Thanh, thì xe mô tô do C điều khiển chở T cầm dao phía sau đã dồn đuổi kịp ép về phía xe do H điều khiển, hai xe đi song song nhau khoảng 50m, T giơ dao về phía xe của Mạc Đức H điều khiển định chém. Do điều khiển xe với tốc độ cao, và sợ bị chém nên xe của H lao vào khu vực bồn hoa gần cây xăng Tân Thanh làm H, Hải, T2 bị ngã. Khi thấy xe của H gặp tai nạn, nhóm của C điều khiển xe bỏ đi. Hậu quả H bị tổn Tạng cơ thể là 66 %, T2 bị tổn Tạng cơ thể là 22%, Hải không bị tổn Tạng cơ thể. Hành vi của các bị cáo Mạc Tuấn C, Nguyễn Đăng T, Vũ Văn N, Đỗ Quốc P, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Trần Văn T, Đặng Phan Khương D, Đặng Văn K, Đỗ Trung H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây Tạng tích” theo điểm a khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với tội gây rối trật tự công cộng: Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định cùng các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28-8-2024, tại khu vực xã Quảng Thanh cũ nay là phường Lê Ích Mộc, bị cáo Mạc Đức H điều khiển xe mô tô chở Đinh Văn Hải, Doãn Văn T2, Nguyễn Đức Thắng điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Thế T, Bùi Minh Hoà, nhóm đối tượng đã điều khiển xe mô tô đi với tốc độ cao cầm theo hung khí (viên đá), đi đường hò hét, chửi bậy, khiêu khích nhóm của C dẫn đến việc hai nhóm dùng xe máy điện, xe mô tô đuổi nhau trên đường giao thông, không làm chủ được tốc độ và do bị nhóm của C đuổi theo áp sát nên đã đâm vào khu vực bồn hoa ven đường gây Tạng tích cho H và T2. Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu và hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo Mạc Đức H và Nguyễn Thế T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, an ninh trật tự an toàn xã hội do đó, cần phải nghiêm khắc xử lý đối

với các bị cáo mới đủ sức răn đe và giáo dục, cải tạo các bị cáo và P ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo” **quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự**; bị cáo C, T, N, P, B, Đ, T, D, K, H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện bồi Tồng thiệt hại” và “người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt” **quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự**; Nguyễn Thế T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người khuyết tật nặng” **quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự**; Mạc Đức H **có anh của ông nội là liệt sỹ hiện gia đình đang thờ cúng**, Đỗ Quốc P có ông ngoại, Trần Văn T có ông nội, Đặng Phan Khương D có cụ ngoại, Đỗ Trung H có ông nội và ông ngoại tham gia cách mạng, nên các bị cáo H, P, T, D, H được H thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Mạc Tuấn C, Nguyễn Đăng T, Vũ Văn N, Đỗ Quốc P, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Trần Văn T, Đặng Phan Khương D, Đặng Văn K, Đỗ Trung H gây Tồng tích cho Hải (15 tuổi 9 tháng), T2 (15 tuổi 11 tháng) nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”.

[6] Về phân hóa vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của các bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, lượng hình đối với từng bị cáo.

[6.1] Đối với tội cố ý gây Tồng tích: Hành vi của các bị cáo là xảy ra tức thì, không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước. Xuất phát từ hành vi chửi bới, khiêu khích, dùng đá ném vào phía nhóm của các bị cáo nên các bị cáo đã điều khiển xe máy đuổi theo. Bị cáo C điều khiển xe chở bị cáo T cầm theo hung khí (dao) đuổi và áp sát xe của H và dơ dao định chém nên dẫn đến H không làm chủ được tốc độ đâm vào bồn hoa gây Tồng tích cho H và T2. Vì vậy, vai trò của bị cáo C và T là lớn nhất và ngang nhau. Bị cáo N có chuẩn bị hung khí từ trước, khi tiếp nhận ý chí của đồng bọn đã dừng xe mở cốp xe lấy dao cho T cầm đuổi nhóm xe của H nên bị cáo N có vai trò thứ hai thấp hơn bị cáo C và T. Các bị cáo còn lại cùng nhau tiếp nhận ý chí và cùng nhau đuổi theo sau xe của C, T, H, T nên các bị cáo có vai trò như nhau và phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau.

[6.2] Đối với tội gây rối trật tự công cộng: H, Hải, và bị cáo H người chửi nhóm của C, H là người trực tiếp điều khiển xe mô tô chở 3 người không đội mũ bảo hiểm, H có hành vi chửi bới và khiêu khích nhóm của C dẫn đến việc hai nhóm dùng xe mô tô và xe máy điện đuổi nhau trên đường nên vai trò của bị cáo H là cao hơn bị cáo T. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo H cũng là bị hại, bị Tồng tích cao (66%) nên Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Xét các bị cáo Đỗ Trung H, Đặng Phan Khương D khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi. Các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng và hiện đang theo học lớp 12, được nhà trường và chính quyền địa phương xác nhận ngoài lần phạm tội này thì bị cáo luôn chấp hành đúng pháp luật, chấp hành tốt các nội quy

quy định của nhà trường và địa phương. Trong vụ án này bị hại cũng có lỗi một phần. Xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo H và D phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho H án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và P ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với người chưa thành niên phạm tội.

[7.2] Bị cáo Mạc Tuấn C, Mạc Đức H, Nguyễn Thế T đã bị Toà án xử phạt bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không xem là có tiền án nhưng Hội đồng xét xử đánh giá nhân thân các bị cáo là xấu, phạm tội trong thời gian thử thách của bản án đã cho H án treo nên xác định ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo là thấp. Các bị cáo T, N, P, B, Đ, T, K phạm tội lần đầu nhưng thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo.

[7.3] Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Trần Văn T, Đỗ Trung H, Đặng Phan Khương D, Đặng Văn K, Mạc Đức H, Nguyễn Thế T dưới 18 tuổi nên áp dụng chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội đối với các bị cáo. Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định: *“Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, ... nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 2/5 mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định. ... Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, ... nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 3/5 mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định”*. Khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên quy định *“Các điều khoản của Luật này quy định về hình phạt C cáo, phạt tiền, tù có thời hạn ... và các quy định khác có lợi cho người phạm tội quy định tại chương VI của Luật này được áp dụng kể từ ngày Luật này được công bố”* (công bố ngày 02-12-2024).

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi Tòng cho các bị hại Doãn Văn T2, Đinh Văn Hải không còn yêu cầu gì khác. Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của Mạc Đức H yêu cầu các bị cáo bồi Tòng thêm số tiền 80.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình điều tra Mạc Đức H và gia đình đã nhận số tiền bồi Tòng 140.000.000 đồng và không yêu cầu bồi Tòng gì khác, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi Tòng thêm 80.000.000 đồng nhưng không cung cấp được các T liệu chứng cứ chứng minh. Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày do bị hại vẫn còn tiếp tục điều trị nên số tiền yêu cầu bồi Tòng thêm là số tiền dự kiến điều trị trong thời gian tiếp theo. Để đảm bảo quyền lợi cho bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy cần tách phần dân sự giải quyết bằng một vụ án dân sự khi bị hại có yêu cầu.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 mảnh nhựa màu xanh hình dạng gấp khúc trên diện 62cm x 30cm dạng mảnh yếm xe máy; 01 con dao có chiều dài tổng thể 41,7cm, bản rộng nhất 05cm; lưỡi dao bằng kim loại tối màu dài 29,7cm, một lưỡi sắc, đầu mũi dao nhọn; chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ. 01 xe máy điện màu sơn xanh, mang BKS 15MĐ2 - 142.68; 01 xe máy điện nhãn hiệu G20 New màu sơn xanh không mang BKS; 01 xe máy điện nhãn hiệu Dk Bike GoGo màu sơn xanh mang BKS: 15MĐ2 - 142.22 là phương tiện các bị

cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 01 đĩa DVD chứa 01 tập tin video ghi lại diễn biến vụ việc và các đĩa hỏi cung ghi âm, ghi hình lưu cùng hồ sơ vụ án.

[10] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[11] Tại thời điểm thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng nêu trên Nguyễn Đức Thắng, sinh ngày 20-10-2008 (*15 tuổi 10 tháng 08 ngày*), Bùi Minh Hòa, sinh ngày 31-8-2008 (*15 tuổi 11 tháng 28 ngày*), Đinh Văn Hải, sinh ngày 29-11-2008 (*15 tuổi 08 tháng 30 ngày*), Doãn Văn T2, sinh ngày 29-9-2008 (*15 tuổi 10 tháng 30 ngày*) là những người dưới 16 tuổi nên theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự đều chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Công an thành phố Thủy Nguyên đã có văn bản đề nghị Công an xã Quang Trung lập hồ sơ xử lý hành chính bằng hình thức giáo dục tại xã đối với Thắng, Hòa, Hải, T2 về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

[12] Các đối tượng Mạc Tuấn C, Nguyễn Đức Thắng, Bùi Minh Hòa, Mạc Đức H, Đặng Văn K, Nguyễn Thế T, Doãn Văn T2, Đinh Văn Hải, Đỗ Quốc P, Nguyễn Đăng T, Đỗ Trung H, Trần Văn T, Đặng Phan Khương D, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Vũ Văn N quá trình tham gia giao thông trên đường đã có hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông, Công an huyện Thủy Nguyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên.

[13] Đối với Mạc Thị Hường, Mạc Văn Thắng, Phan Thị Bích Đào, Đặng Văn Dũng, Moong Thị Diệp cho Mạc Đức H, Mạc Tuấn C, Đặng Phan Khương D, Vũ Văn N mượn xe nhưng không biết việc các đối tượng sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét, xử lý.

[14] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Trung H, Đặng Phan Khương D là trẻ em Nguyễn Thế T là người khuyết tật, Vũ Văn N là thành viên hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo còn lại phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo chưa thành niên, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10-7-2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên bố bị cáo **Mạc Đức H** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Xử phạt bị cáo Mạc Đức H 15 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 24 tháng 01 năm 2025. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án số 271/2024/HSST ngày 23-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm nay là Toà án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s,p khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10-7-2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thế T** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T 15 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 24 tháng 01 năm 2025. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án số 271/2024/HSST ngày 23-9-2024, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm nay là Toà án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội

3. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 55, 56, 58, 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Mạc Tuấn C** phạm tội “Cố ý gây Tơng tích”. Xử phạt bị cáo Mạc Tuấn C 05 năm 06 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 115/2024/HS-ST ngày 12/06/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải P xử phạt 18 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

4. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đăng T** phạm tội “Cố ý gây Tơng tích”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T 05 năm 06 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 17 tháng 11 năm 2024.

5. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn N** phạm tội “Cố ý gây Tơng tích”. Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 03 năm 06 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 14 tháng 11 năm 2024.

6. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Đỗ Quốc P** phạm tội “Cố ý gây Tơng tích”. Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc P 05 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 24 tháng 01 năm 2025.

7. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn D B** phạm tội “Cố ý gây Tơng tích”. Xử phạt bị cáo Nguyễn D B 03 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 24 tháng 01 năm 2025.

8. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn Đ** phạm tội “Cố ý gây Tơng tích”. Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 03 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam 24 tháng 01 năm 2025.

9. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119,

khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt đi chấp hành án. Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

10. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn K** phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Đặng Văn K 03 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt đi chấp hành án. Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

11. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 65, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, 124 khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Đặng Phan Khương D** phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Đặng Phan Khương D 02 năm tù nhưng cho H án treo, áp dụng thời gian thử thách là 30 tháng.

12. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 65, 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, 124 khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tuyên bố bị cáo **Đỗ Trung H** phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Đỗ Trung H 02 năm tù nhưng cho H án treo, áp dụng thời gian thử thách là 30 tháng.

Giao bị cáo **Đặng Phan Khương D và Đỗ Trung H** cho Ủy ban nhân dân phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Trong trường hợp người được H án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được H án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được H án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân phường được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân phường phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được H án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được H án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân phường được giao giám sát, giáo dục kèm theo T liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được H án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được H án treo không được xuất C trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được H án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được H án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho H án treo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Đỗ Trung H, Đặng Phan Khương D, Nguyễn Thế T, Vũ Văn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Mạc Tuấn C, Nguyễn Đăng T, Đỗ Quốc P, Nguyễn D B, Đặng Văn Đ, Trần Văn T, Đặng Văn K, Mạc Đức H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 mảnh nhựa màu xanh hình dạng gấp khúc 62cm x 30cm dạng mảnh yếm xe máy; 01 con dao có chiều dài tổng thể 41,7cm, bản rộng nhất 05cm; lưỡi dao bằng kim loại tối màu dài 29,7cm, một lưỡi sắc, đầu mũi dao nhọn; chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 xe máy điện nhãn hiệu G20 màu sơn xanh không mang BKS; 01 xe máy điện màu sơn xanh, mang BKS 15MĐ2 - 142.68; 01 xe máy điện nhãn hiệu Dk Bike GoGo màu sơn xanh mang BKS: 15MĐ2 - 142.22 (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, T sản ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên, nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải P).

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của các bị cáo chưa thành niên, bị hại Mạc Đức H, Đinh Văn Hải và người đại diện hợp pháp của bị hại Mạc Đức H, Đinh Văn Hải được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Doãn Văn T2 và người đại diện hợp pháp của bị hại Doãn Văn T2 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAND TP Hải P;
- VKSND TP Hải P;
- VKSND cùng cấp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS TP Hải P;
- Công an TP Hải P;
- UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp TP Hải P;
- P PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân thành phố, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (thành phố, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông Tòng thì không ghi chức vụ, nghề N của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề N của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của T ký phiên tòa và ghi rõ là T ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì

ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên Tòng gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký Tòng trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân Tong mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân Tong mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn P luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn P luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề N, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn P luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề N, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá T sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại P nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải P;
- VKSND thành phố Hải P;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải P;
- CQCSĐT Công an thành phố Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải P;
- P PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)